

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS-ST  
Ngày: 07/01/2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thám;
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 78/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HS ngày 11/12/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P (tên gọi khác T), sinh ngày 13/11/1999 tại A, Gia Lai; nơi thường trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đặng Thị Cẩm D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 15/4/2020 bị Công an xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản” đã được xóa; ngày 16/11/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt cải tạo không giam giữ về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa; bị tạm giữ từ ngày 02/8/2024 đến ngày 05/8/2024 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt;

**- Bị hại:**

1. Nguyễn Tiến L, sinh năm 1981; nơi thường trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

2. Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1992; nơi thường trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vừa là người làm chứng:**

1. Phạm Văn L1, sinh năm 1990; nơi thường trú: Thôn A, xã X, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

2. Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1993; nơi thường trú: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

3. Huỳnh Ngọc P1, sinh năm 2000; nơi thường trú: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

4. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

5. Võ Nhật H, sinh năm 2007; nơi thường trú: Thôn C, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thanh H1; có mặt;

2. Trần Thị L2; có mặt;

3. Trần Thanh P2; có mặt;

4. Đỗ Thị C; có mặt;

5. Võ Văn H2; có mặt;

6. Bùi Thị Thu H3; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 22/5/2024 bị cáo Nguyễn Văn P cùng Võ Nhật H đến nhà Huỳnh Văn P3 và Huỳnh Ngọc T3 (anh của P3) chơi. Sau đó P nảy sinh ý định trộm cắp bò của ông Nguyễn Tiến L ở Tổ C, phường A, thị xã A nên đến 23 giờ cùng ngày P nói dối với P3 là muốn về nhà ngủ và nhờ P3 chở về nhà. Khi đi P mượn cầm theo điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, sim số 0355682745 của anh T3. Khi P3 chở P đến gần nhà thì P nói P3 dừng xe để P đi bộ về. P đi vào đường bê tông phía trên nhà mình rồi vòng ra phía sau đến bãi đất trống nơi ông L cột bò, mở dây thừng dắt 01 con bò cái lông màu vàng, khoảng hai năm tuổi đi đến ngã ba đường kênh thủy điện thuộc xã C, thị xã A và cột vào gốc cây Keo. Sau đó P điện thoại cho anh P3 nói dối là về nhà nhưng khóa cửa không vào được và nhờ anh P3 đến Cầu C đón về nhà anh P3 cho ngủ nhờ.

Khoảng 6 giờ ngày 23/5/2024, P sử dụng điện thoại của T3 vào hội nhóm “Mua bán Bò Gia L3” để tìm người mua B và điện vào số điện thoại 0974.340.566 của anh Phạm Văn L1 hỏi bán bò đồng thời hẹn anh L1 đến địa điểm xem bò. P tiếp tục điện thoại xe taxi của anh Trần Thanh P2 để thuê xe taxi ra Cầu C chở vào trung tâm thị xã A. Sau đó P mượn xe mô tô của anh P3 chở H ra Cầu C để H đón taxi, còn P lái xe mô tô chạy lại chỗ cột bò tối hôm trước, cách khoảng hơn 100 mét thì dựng xe rồi đi bộ lại vị trí cột bò đợi anh L1. Khoảng 8 giờ cùng ngày, anh L1

chở chị Nguyễn Thị L4 đến, L1 hỏi P: Nhà ở đâu, người nhà đâu, sao bán bò, sao bò gầy ốm? P trả lời: Nhà ở C, gia đình đang làm ớt bên kia, bên đó đang bơm thuốc nên đất bò qua bên này; hiện ở dưới này không có người chăm sóc nên bán lấy tiền để lên Gia Lai làm nghề thợ sắt cho anh. Anh L1 tin và đồng ý mua con bò với giá 8.300.000đ. Anh L1 điện thoại cho anh Nguyễn Thanh H1 đến chở bò về, P nhận tiền và lái xe về nhà anh P3 trả xe và trả điện thoại cho anh P3. Sau đó P và H đi xe taxi ra trung tâm thị xã A, khi biết sự việc bị phát hiện thì P và H đi vào Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 02/8/2024 P đến Công an thị xã A đầu thú. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A xác định trị giá con bò tại thời điểm định giá ngày 23/5/2024 là 10.650.000đ.

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động Oppo A83 bên trong có lắp sim số 0355682745 của Huỳnh Ngọc T3 giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Tiến L đã nhận lại con bò và không có yêu cầu gì. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh Phạm Văn L1 8.300.000đ.

2. Cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 08/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; trả lại điện thoại di động cho bà Bùi Thị Thu H3. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác, có cơ sở xác định: Vào ngày 22/5/2024 tại Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai bị cáo Nguyễn Văn P đã lén lút chiếm đoạt 01 con bò khoảng 02 năm tuổi trị giá 10.650.000đ của ông Nguyễn Tiến L. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Văn P khai Võ Nhật H cùng tham gia với bị cáo trộm cắp bò của ông L vào ngày 22/5/2024. Tuy nhiên Võ Nhật H và Huỳnh Ngọc P1 đã đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra không tìm được địa chỉ nên quá trình điều tra không lấy được lời khai của H và P1. Tại phiên tòa, người làm chứng Trần Thanh P2 khai có

chở 02 người từ C A đi đến khu vực phường A, thị xã A vào ngày 23/5/2024. Những người làm chứng Phạm Văn L1, Nguyễn Thanh H1, Trần Thị L2 xác định chỉ có một mình Nguyễn Văn P bán bò. Dựa vào lời khai trên các cơ quan tiến hành tố tụng chưa chứng minh được Võ Nhật H có tham gia cùng bị cáo trộm cắp bò của ông L2 vào ngày 22/5/2024, nên chưa có căn cứ để xử lý đối với H và xem xét hành vi của Huỳnh Ngọc P1.

Anh Phạm Văn L1 mua bò của P nhưng không biết đó là bò là do P trộm cắp mà có; Huỳnh Ngọc T3 cho P mượn điện thoại nhưng không biết P sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên không xem xét, xử lý đối với L1 và T3 là phù hợp.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo ra đầu thú; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và 01 lần bị Tòa án xét xử về cùng một hành vi “Trộm cắp tài sản”.

[6] Về hình phạt: Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ và còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được tiền bồi thường và đều không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu đỏ, bên trong có lắp sim số 0355682745, mặc dù tại phiên tòa bà Bùi Thị Thu H3 khai là của bà H3. Tuy nhiên quá trình điều tra Huỳnh Ngọc T3 khai điện thoại là của T3 và do T3 trực tiếp giao nộp cho Cơ quan điều tra. T3 không biết P sử dụng điện thoại vào việc phạm tội, nên trả lại cho Huỳnh Ngọc T3.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 02/8/2024;

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho Huỳnh Ngọc T3 01 (một) điện thoại di động đã cũ, mang nhãn hiệu Oppo A83 màu đỏ, kiểu máy CPH1729; số sê ri ORS8S4DYKNJNQG... Bên trong có lắp sim số 0355682745, màn hình điện thoại bị vỡ.

(Vật chứng đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2024 giữa bên giao là Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A và bên nhận là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L1, ông Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/01/2025. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Ngọc T3, Huỳnh Ngọc P1, Võ Nhật H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Thảo**